

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2021/HS-ST

Ngày: 24 - 6 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 156/2021/TLST - HS, ngày 07 tháng 6 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đăng Q - Sinh ngày 02 tháng 01 năm 2000, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đăng T; Con bà: Đậu Thị Hồng P; Bị cáo có vợ là Bùi Nhật Q, sinh năm: 2000, bị cáo chưa có con; Tiền án: Không. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ ngày 21 tháng 4 năm 2021 đến ngày 30 tháng 4 năm 2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại – Có mặt.

- Người bị hại: Châu Thị Hồng M - sinh năm: 1979

Cư trú tại: Số nhà B, đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Thị Kiều T - Sinh năm: 1992

Cư trú tại: Số M, thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Hà Duy Đ – Sinh năm: 1988

Cư trú tại: Số M, đường L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

3. Nguyễn Tấn S – Sinh năm: 2000

Cư trú tại: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định - Vắng mặt.

4. Bùi Nhật Q – Sinh năm: 2000

Cư trú tại: Tổ dân phố T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 20/4/2021, Nguyễn Đăng Q là nhân viên phục vụ tại nhà hàng T ở địa chỉ: Số H, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Q được giao nhiệm vụ dọn vệ sinh và phục vụ bàn cho khách đến ăn uống tại sảnh tiệc 2 (Lobby 2) thuộc tầng 01 của nhà hàng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, trong lúc Q đang dọn bàn tại sảnh tiệc trên thì thấy chị Châu Thị Hồng M, là khách đến ăn uống của quán, treo trên ghế 01 giỏ xách nhãn hiệu Gucci, màu đỏ, bên trong giỏ xách có 01 ví da màu đỏ, nhãn hiệu Gucci, có 01 sấp tiền nên Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khi chị M đi ra phía trước cửa sảnh tiệc để tiễn khách, còn chiếc giỏ xách vẫn treo trên ghế thì Q đi đến lén lút trộm cắp được tổng số tiền: 7.500.000 đồng (gồm các tờ mệnh giá: 500.000 đồng; 200.000 đồng; 100.000 đồng và 50.000 đồng). Sau khi phục vụ xong, Q lấy số tiền vừa trộm cắp được trả nợ cho anh Nguyễn Tấn S, số tiền 200.000 đồng (gồm 04 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng), trả tiền nợ cho chị Lê Thị Kiều T, số tiền 100.000 đồng (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng) và đổi cho chị T số tiền 1.000.000 đồng (gồm 05 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng để lấy 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng); Cho anh Hà Duy Đ, mượn số tiền 500.000 đồng. Còn chị M sau khi tiễn khách về thì đi vào lấy tiền bên trong chiếc ví để tính tiền thì phát hiện bị kẻ gian trộm cắp nên trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, để xử lý.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của bị cáo đúng như nội dung trên và không có ý kiến gì.

Tại bản cáo trạng số: 193/CT-VKS-HS ngày 07/6/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột sau khi phân tích đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đăng Q và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đăng Q theo bản cáo trạng số 193/CT-VKS-HS ngày 07/6/2021 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Q từ 09 (Chín) tháng tù đến 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng đến 02 năm

Các biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả số tiền 7.500.000 đồng cho chị Châu Thị Hồng M; trao trả số tiền: 1.000.000 đồng, cho chị Lê Thị Kiều T và trao trả 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng, dung lượng 256GB và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu

trắng đen, biển số 47C1-397.63 cho chị Bùi Nhật Q, là các chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Đăng Q tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vào khoảng 22 giờ ngày 20/4/2021, tại sảnh tiệc 2 (Lobby 2) thuộc tầng 01 của nhà hàng T, địa chỉ: Số H, đường H, phường T, thành phố B, Nguyễn Đăng Q đã lấy trộm số tiền 7.500.000 đồng của chị Châu Thị Hồng M. Hành vi của bị cáo là phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[2] Xét thấy, bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản trái pháp luật đều bị trừng trị thích đáng. Nhưng chỉ vì tham lam tư lợi, nên bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Châu Thị Hồng M nên đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh nhằm cải tạo giáo dục đối với bị cáo đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung trong toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phạm tội bị cáo đã khai báo thành khẩn, người bị hại đã nhận lại tài sản. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội với nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đối với bị cáo không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình bị cáo cũng đảm bảo tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo.

Trong vụ án này đối với chị Lê Thị Kiều T được bị cáo Nguyễn Đăng Q đòi số tiền 1.000.000 đồng và trả nợ số tiền 100.000 đồng; anh Hà Duy Đ được bị cáo Q cho mượn số tiền 500.000 đồng và anh Nguyễn Tấn S được bị cáo Q trả nợ 200.000 đồng nhưng chị Trang, anh Đ và anh S không biết là tài sản do Nguyễn Đăng Q trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý, là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra chị Châu Thị Hồng M đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo Nguyễn Đăng Q phải bồi thường gì nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả số tiền 7.500.000 đồng cho chị Châu Thị Hồng M; trao trả số tiền: 1.000.000 đồng, cho chị Lê Thị Kiều T và trao trả 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng, dung lượng 256GB và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng đen, biển số 47C1-397.63 cho chị Bùi Nhật Q, là các chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng và không có yêu cầu gì nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Xét quá trình điều tra, truy tố. Điều tra viên đã thi hành các quyết định tố tụng, tiến hành truy tìm, thu thập vật chứng, khám nghiệm hiện trường cũng như lấy lời khai của bị cáo và các đương sự khác liên quan trong vụ án là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử kiểm sát viên đã thực hiện việc kiểm sát hoạt động tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nên bị cáo không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng Q phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đăng Q 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đăng Q cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Đăng Q phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh, VKSND TP.BMT;
- TAND tỉnh, Công an TP.BMT;
- CCTHADSTP.B;
- THA phạt tù (để thi hành) ;
- Nhà tạm giữ Công an TP.BMT;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Các đương sự
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh, VKSND TP.BMT;
- TAND tỉnh, Công an TP.BMT;
- CCTHADSTP.BMT;
- THA phạt tù(để thi hành) ;
- Nhà tạm giữ Công an TP.BMT;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Các đương sự
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị My My